

TT PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH TN  
CHI NHÁNH TRUNG TÂM PHÁT  
TRIỂN QUỸ ĐẤT KHU VỰC II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 1856 /CV-CNTTPTQĐ  
V/v niêm yết công khai phương  
án bồi thường, hỗ trợ và di dời trên Công  
thông tin điện tử của xã Quân Chu

Đại Phúc, ngày 09 tháng 9 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân xã Quân Chu;
- Công ty Điện lực Thái Nguyên;
- Phòng Văn hoá - Xã hội xã Quân Chu.

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội  
Nghị quyết quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc  
trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy  
định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của  
Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc  
thi trong tổ chức thi hành Luật đất đai.

Căn cứ Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 09/2/2026 của UBND tỉnh  
Thái Nguyên về việc áp dụng trình tự thủ tục hành chính; ủy quyền thực hiện  
một số nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh tại Nghị định số 49/NĐ-  
CP ngày 31/10/2026.

Căn cứ Quyết định số 75/2026/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của UBND  
tỉnh Thái Nguyên phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai  
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 82/2026/QĐ-UBND ngày  
30/6/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định trình tự, thủ tục  
hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND  
tỉnh Thái Nguyên Quyết định Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái  
định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II phối hợp với UBND  
xã Quân Chu thực hiện công khai phương án bồi thường, hỗ trợ công trình di  
chuyển đường điện 35KV và 0,4KV phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Khu  
trung tâm thị trấn Quân Chu theo quy định.

- Thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày 09/9/2026 đến hết ngày  
22/9/2026.

- Địa điểm niêm yết: Nhà văn hoá xóm Thống Nhất, UBND xã Quân Chu.
- Đề nghị Phòng Văn hoá - Xã hội xã Quân Chu đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND xã Quân Chu trong thời gian là 10 ngày.
- Gửi 01 bộ hồ sơ Phương án di chuyển đường điện cho Công ty Điện lực Thái Nguyên từ ngày 09/9/2026.

*(Có phương án và hồ sơ kèm theo)*

Các ý kiến tham gia vào phương án đề nghị Công ty điện lực Thái Nguyên gửi Văn bản cho Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II thời gian trước ngày 22/9/2026.

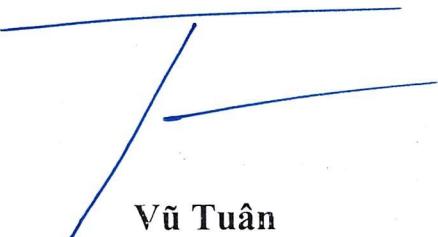
Đề nghị Công ty điện lực Thái Nguyên quan tâm giải quyết đề Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II có cơ sở triển khai thực hiện các công việc tiếp theo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Trung tâm PTQĐ tỉnh;
- Lưu: VT-CNTTPTQĐ khu vực II.

*Vg*

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

  
**Vũ Tuấn**

CÔNG TY TNHH  
KT XANH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM TRA

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH: DI CHUYỂN ĐƯỜNG ĐIỆN 35KV VÀ 0,4KV

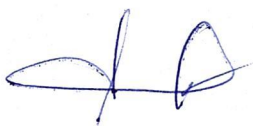
PHỤC VỤ GPMB

DỰ ÁN: KHU TRUNG TÂM THỊ TRẤN QUÂN CHU

BÊN GIAO THẦU: CHI NHÁNH TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT  
KHU VỰC II.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THẨM TRA: CÔNG TY TNHH KT XANH

CÁN BỘ THẨM TRA



Nguyễn Đỗ Hà

ĐƠN VỊ THẨM TRA:

CÔNG TY TNHH KT XANH

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Vinh

**CÔNG TY TNHH KT XANH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/BCKQTT

Thái Nguyên, ngày 7 tháng 9 năm 2026

**KẾT QUẢ THẨM TRA BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

**Công trình: Di chuyển đường điện 35kV và 0,4kV phục vụ GPMB Dự án:  
Khu Trung tâm thị trấn Quân Chu.**

**Địa điểm XD: Xã Quân Chu, tỉnh Thái Nguyên.**

**KÍNH GỬI: CHI NHÁNH TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT  
KHU VỰC II**

**I. CƠ SỞ THẨM TRA THIẾT KẾ.**

- Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 Hà Nội, ngày 10-12-2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Căn cứ Luật Điện Lực số 61/2024/QH15, Hà Nội ngày 30/12/2024 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành; Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/03/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực; Thông tư 02/2025/TT-BCT (ban hành ngày 01/02/2025, hiệu lực cùng ngày): hướng dẫn cụ thể về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

- Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15, được Quốc hội ban hành ngày 29/11/2024; Nghị định 105/2025/NĐ-CP, ban hành ngày 15/5/2025, có hiệu lực từ 01/07/2025, quy định chi tiết một số điều của Luật PCCC và CNCH; Thông tư 36/2025/TT-BCA, do Bộ Công an ban hành ngày 15/5/2025, hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật và Nghị định 105/2025;

- Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Các căn cứ vào các Nghị định, Thông tư hướng dẫn, các quyết định, văn bản quy định, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành, các văn bản khác có liên quan.

- ĐịnhMức\_2022DZ\_TBA\_DM36 Quyết định số 36/2022/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ Công Thương.

- Đơn giá 256/QĐ-UBND năm 2023 - Phần XD ngày 22 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên

- Bảng giá ca máy và thiết bị thi công và nhân công theo quyết Quyết định số: 527/QĐ-SXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của SXD Thái Nguyên

- Công bố giá vật liệu số Công bố số 6919/SXD-QLKT&VL về giá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình ngày 31 tháng 07 năm 2026 của Sở Xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;;

- Căn cứ đơn giá các công trình đã được phê duyệt cùng thời điểm..

- Căn cứ các Văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan

- Thực hiện Hợp đồng số ...../2026/HĐ-TVTT ngày 27/8/2026 giữa Chi nhánh Trung tâm Phát triển Quỹ Đất khu vực II với Công ty TNHH KT Xanh về việc thẩm tra Báo cáo kinh tế- kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình: Di chuyển đường điện 35kV và 0,4kV phục vụ GPMB Dự án: Khu Trung tâm thị trấn Quân Chu

Sau khi xem xét, thẩm tra Công ty TNHH KT Xanh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

## **II. CÁC THÔNG TIN CỦA DỰ ÁN**

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Công trình cấp IV

- Địa điểm xây dựng: Xã Quân Chu, tỉnh Thái Nguyên.

- Bên giao thầu: Chi nhánh Trung tâm Phát triển Quỹ Đất khu vực II.

- Đơn vị lập BCKTKT - dự toán: Công ty TNHH Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

## **III. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA**

### **1. Văn bản pháp lý:**

- Căn cứ Quyết định số: 63/QĐ- TTPTQĐKVII ngày 27/8/2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển Quỹ Đất khu vực II về việc phê duyệt chỉ định thầu gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế phương án dự toán bồi thường (lập báo cáo

kinh tế kỹ thuật) công trình: Di chuyển đường điện 35kV và 0,4kV phục vụ GPMB Dự án: Khu Trung tâm thị trấn Quân Chu; và các căn cứ khác có liên quan.

**2. Danh mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:**

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công;
- Hồ sơ dự toán;
- Thuyết minh báo cáo kinh tế kỹ thuật;

**3. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra (nếu có) không.**

**III. NỘI DUNG CHỦ YẾU THIẾT KẾ XÂY DỰNG**

**1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng.**

- Bộ tiêu chuẩn kỹ thuật lựa chọn thiết bị thống nhất trong Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc, ban hành theo quyết định 318/QĐ-EVN NPC ngày 03/02/2016 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc;
- Quyết định số 106/QĐ-HĐTV ngày 21/09/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt nam về việc ban hành Tiêu chuẩn kỹ thuật FCO, LBFCO và dây chì điện áp 22 và 35 kV áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;
- Quyết định số 110/QĐ-HĐTV ngày 21/09/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt nam về việc ban hành Tiêu chuẩn kỹ thuật chống sét van 22, 35 và 110kV áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;
- Quyết định số 112/QĐ-HĐTV ngày 21/09/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt nam về việc ban hành Tiêu chuẩn kỹ thuật cách điện đường dây điện áp 22, 35 và 110kV áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;
- Quyết định số 114/QĐ-HĐTV ngày 21/09/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt nam về việc ban hành Tiêu chuẩn kỹ thuật cáp ngầm trung áp và phụ kiện áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;
- Văn bản số 3030/QĐ-EVN NPC ngày 16/06/2020 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc ban hành một số tiêu chuẩn kỹ thuật thiết bị vận hành trên lưới;
- Quyết định số 271/QĐ-EVN ngày 24/07/2019 quy định tiêu chuẩn cầu dao cách ly 35kV, 110kV và 220kV;
- Quyết định 62/QĐ-EVN ngày 05/5/2017 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam v/v việc Ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật máy biến áp phân phối điện áp đến 35kV trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.
- Quyết định 64/QĐ-EVN ngày 05/5/2017 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam v/v việc ban hành ban hành Tiêu chuẩn kỹ thuật dao cắt có tải điện áp 22kV và 35kV trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.
- Văn bản số 5339/EVN NPC-KT của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc về việc Ban hành và áp dụng yêu cầu kỹ thuật đối với dây và cáp điện.

- Quyết định số 98/QĐ-EVNNPC ngày 16/01/2017 về việc ban hành tiêu chuẩn lựa chọn cáp bọc đi trên sứ cách điện và phụ kiện cho lưới điện trung áp trên không.

- TCVN 6306-1:2015 (IEC 60076 : 2011): Máy biến áp điện lực – phần 1: Quy định chung;

- TCVN 8090:2009 (IEC 62219 : 2002) về Dây trần dùng cho đường dây tải điện trên không - Dây trần có sợi định hình xoắn thành các lớp đồng tâm;

- TCVN 6483:1999: Dây trần có sợi tròn xoắn thành các lớp đồng tâm dùng cho đường dây tải điện trên không.

- TCVN 5935:2013: Phần lõi dây dẫn điện áp dụng như dây nhôm lõi thép thông thường, không có mỡ và không cần thấm dọc.

- TCVN 6447:1998: Cáp điện vặn xoắn cách điện bằng XLPE, điện áp làm việc đến 0,6/1kV.

- IEC 60502: Cáp cách điện điện môi đùn ép rắn cho dải điện áp từ 1kV đến 30kV.

- IEC 600994-4: Chống sét van.

- IEC 60282: Cầu chì ống cao áp.

- IEC 62271: Thiết bị đóng cắt.

- IEC 60228: Ruột dẫn của cáp cách điện.

- IEC 60071: Cách điện.

- IEC 61109: Cách điện composite cho đường dây trên không điện áp trên 1000V.

- IEC 62217: Cách điện Polimer trong nhà và ngoài trời, điện áp trên 1000V.

- ANSI C37.41; ANSI C37.42: Cầu chì tự rơi.

- Một số tác tiêu chuẩn áp dụng khác được nêu trong yêu cầu cụ thể đối với từng loại VTTB. Và các tiêu chuẩn kỹ thuật khác liên quan;

- Các nguồn tài liệu, số liệu:

- Tài liệu đề xuất dự án đầu tư của Chủ đầu tư;

Các tài liệu, dự án khác có liên quan

## **2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.**

- Xây dựng mới 02 vị trí cột 414A và 425A đường dây trên không 35kV lộ 377E6.19. Vị trí cột xây dựng mới theo qui hoạch của dự án, dùng cột LT-18m. Tại vị trí cột 414A và 425A xây dựng mới có lắp đặt 01 bộ cầu dao phụ tải 35kV-630A và chống sét van 35kV đầu cáp;

- Xây dựng mới 795m chiều dài tuyến cáp 35kV (trong đó có 62m hào cáp 35kV qua đường và 733m mương cáp xây 35kV trên vỉa hè) để lắp đặt cáp ngầm sau di chuyển, sử dụng cáp ngầm 3xCu/XLPE/PVC/DATA/PVC -W 1x240mm<sup>2</sup>-20/35(40,5)kV

- Xây dựng mới 795m cáp quang ngầm đi theo hào cáp 35kV và nương cáp xây của phân di chuyển nêu trên

- Xây dựng mới 02 vị trí cột điện 0,4kV dùng cột LT-10m để cáp điện trở lại cho lộ 2 sau TBA Kha Sơn 1; dây dẫn AL/XLPE/PVC 4x70 sử dụng lại

- Xây dựng mới 132m (trong đó có 27m hào cáp 0,4kV qua đường và 105m nương cáp xây 35kV trên vỉa hè) Hào cáp 0,4kV sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC/DATA/PVC-0,6/1kV 4x120mm<sup>2</sup>

- Tháo hạ đoạn đường dây sau khi đã có hệ thống điện mới.

Các giải pháp kỹ thuật phân xây dựng.

**\* Đường dây trung áp**

- Cấp điện áp: 35kV;

- Số mạch: 01 mạch

- Chiều dài tuyến: 795m (trong đó có 62m hào cáp 35kV qua đường và 733m nương cáp xây 35kV trên vỉa hè)

- Dây dẫn: 3xCu/XLPE/PVC/DATA/PVC -W 1x240mm<sup>2</sup>- 20/35(40,5)kV

- Cách điện: Sứ đứng 35kV; Sứ chuỗi 35kV

- Xà: Chế tạo bằng thép hình, bảo vệ bằng mạ kẽm nhúng nóng đạt TCVN

- Cột: NPC.I-18-190-13

- Móng : MTK-13, bê tông M150 đổ tại chỗ

- Hào cáp 35kV (HC-35kV): Hào cáp ngầm 35kV cắt qua đường: Chiều sâu hào 1,22m; chiều sâu đặt cáp 1,17m. Lót trên từ mặt đường đến lớp đắp cát K98 (đến độ sâu 0,5m) do đơn vị thi công đường thực hiện (thi công đồng thời); Lót dưới cùng đào đất, đắp cát dày 0,72m đầm K=0,95. Cáp luồn trong ống nhựa chịu lực PN-16; d=125, ống luồn cáp lên cột HDPE D105/ 80. Mốc báo cáp đặt tại đầu của hào qua đường

- Nương cáp 35kV (MCX-35kV): Nương cáp được xây dựng trên vỉa hè đường giao thông trong ranh giới dự án. Đáy nương đệm lớp đá dăm 2x4 dày 5cm, đổ bê tông đáy M200 dày 15cm; Tường xây gạch đỏ VXM M75 dày 22cm, trát trong VMX M75 dày 2cm, giằng tường bằng bê tông cốt thép M250; Tấm đan bê tông cốt thép M250 dày 15cm. Trên tường lắp các giá đỡ cáp bằng thép L40x40x4, gắn trên tường bằng bulong M10x90, các chi tiết thép được mạ kẽm nhúng nóng. Trên mặt nương cáp (vỉa hè) đặt viên sứ báo hiệu cáp ngầm (10m nương/1 viên);

**\* Đường dây hạ áp**

Xây dựng mới 02 vị trí cột là cột 2.10.1 và 2.10.9 để di chuyển các vị trí cột từ 2.10.1 (cũ) đến 2.10.9 (cũ)

+ Điểm đầu: Cột số 2.10.1 (xây dựng mới)

- + Điểm cuối: Cột số 2.10.9 (xây dựng mới)
- + Dây dẫn: AL/XLPE 4x70mm<sup>2</sup> sử dụng lại cho đoạn đường dây trên không ngoài dự án; cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-0,6/1kV 4x120mm<sup>2</sup> cho đoạn hạ ngầm
- + Chiều dài tuyến sau di chuyển: 132m
- Cách điện: Kẹp hãm, kẹp treo cáp
- Dây đai; khóa đai
- Cột: NPC.I-10-190-4,3
- Móng : MK-2, bê tông M150 đổ tại chỗ
- Hào cáp 0,4kV qua đường (HC0,4kV- QĐN): Hào cáp ngầm 0,4kV qua đường: Chiều sâu hào 1,22m; chiều sâu đặt cáp 1,17m. Lót trên từ mặt đường đến lớp đắp cát K98 (đến độ sâu 0,5m) do đơn vị thi công đường thực hiện (thi công đồng thời); Lớp dưới cùng đào đất, đắp cát dày 0,72m đầm K=0,95. Cáp luồn trong ống nhựa chịu lực PN-16; d=125, ống luồn cáp lên cột HDPE D105/80. Mốc báo cáp đặt tại đầu của hào qua đường
- Hào cáp 0,4kV vỉa hè (HC0,4kV- VH): Hào cáp ngầm 0,4kV trên vỉa hè: Chiều sâu hào 0,85m; chiều sâu đặt cáp 0,8m. Lót trên cùng vỉa hè 0,01m do đơn vị thi công vỉa hè thực hiện (thi công đồng thời); Lớp đất tự nhiên dày 0,32m; đắp cát dày 0,18m đầm K=0,95. Cáp luồn trong ống HDPE D105/80.
- Hố ga vỉa hè (HG): Hố ga trên vỉa hè đường có cốt mặt trên của hố ga bằng với cốt mặt trên của vỉa hè đường hoàn thiện
- + Đáy hố dải đá dăm 2x4 dày 10mm;
- + Bê tông đáy hố cốt thép, M200 đá 1x2 dày 150mm
- + Thành hố xây gạch bê tông đặc M10 (220x105x60mm) tường dày 220, mác vừa M75, trát trong dày 1,5mm mác vừa trát M75
- + Bê tông cổ ga cốt thép, M200 đá 1x2
- + Bộ nắp gang 4 cánh tải trọng p=450kN (khả năng chịu tải ~ 40 tấn)
- \* Đường dây cáp quang**
- + Điểm đầu: Cột số 414A cột điện trung thế lộ 377E6.19
- + Điểm đầu: Cột số 425A cột điện trung thế lộ 377E6.19
- + Số sợi: 01 sợi cáp quang ngầm CKL1 LT4- 24F0
- + Chiều dài tuyến: 795m
- + Sử dụng hộp nối cáp quang để nối cáp quang ngầm với cáp quang trên không được treo trên 02 cột trung thế tại 2 đầu.
- + Cáp quang ngầm được đi chung mương cáp xây 35kV, cáp qua đường luồn riêng trong 01 ống nhựa chịu lực.

**+Nguồn vật liệu**

*Vật liệu: Cát, đá, thép, xi măng ... mua trên thị trường trên nguyên tắc đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật vật liệu quy định theo tiêu chuẩn Việt Nam.*

**+ Phương pháp xây dựng**

*Thi công theo đúng quy trình, quy phạm hiện hành, theo các quy định XDDB của nhà nước.*

**IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA**

Sau khi nhận được hồ sơ của Chi nhánh Trung tâm Phát triển Quỹ Đất khu vực II, qua xem xét Công ty TNHH KT Xanh báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

**A - Tư cách pháp nhân của tổ chức khảo sát và thiết kế:**

1. Nhà thầu thiết kế: Công ty TNHH Đại học Kỹ thuật Công nghiệp là đơn vị có đủ tư cách pháp nhân để lập hồ sơ thiết kế, báo cáo kinh tế kỹ thuật;

Chủ trì lập dự án: Ông Đỗ Việt Hưng

Chủ trì lập dự toán: Ông Tống Mạnh Hà.

**B – Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật :**

+ Hồ sơ báo cáo KTKT cơ bản tuân thủ theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn của hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam - TCVN, các bản vẽ đã thể hiện được khối lượng xây dựng chủ yếu, công trình thiết kế theo đúng quy mô, yêu cầu của chủ đầu tư.

1) Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế xây dựng công trình:

a) Công năng sử dụng, công nghệ áp dụng: Công trình cơ bản đáp ứng công năng sử dụng đảm bảo yêu cầu thiết kế và quy chuẩn kỹ thuật xây dựng.

b) Mức độ đảm bảo an toàn công trình và bảo đảm an toàn đối với công trình lân cận: Công trình được tính toán kết cấu với hệ số an toàn phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo an toàn sử dụng và tránh lãng phí.

2) Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình: Công trình được thiết kế đảm bảo sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình.

3) Dự toán xây dựng, nhận xét và có đánh giá chi tiết về:

a) Phương pháp lập dự toán được lựa chọn so với quy định hiện hành: Cơ bản dự toán áp dụng đúng quy định hiện hành.

b) Các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí: Áp dụng các văn bản pháp luật hướng dẫn về lập dự toán và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

c) Về đơn giá áp dụng cho công trình: Các đơn giá áp dụng theo Công bố số 6919/SXD-QLKT&VL về giá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình ngày 31 tháng 07 năm 2026 của Sở Xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, một số đơn giá không có trong thông báo giá được lấy theo giá thị trường tại thời điểm hiện tại.

d) Chi phí xây dựng hợp lý: Công trình được thiết kế với công năng phù hợp với quy mô và cấp công trình, đảm bảo tính hợp lý trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

4) Yêu cầu sửa đổi hồ sơ thiết kế: Không.

Đơn vị thẩm tra Công ty TNHH KT Xanh kết luận hồ sơ công trình Di chuyển đường điện 35kV và 0,4kV phục vụ GPMB Dự án: Khu Trung tâm thị trấn Quân Chu đủ điều kiện để thẩm tra trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình.

#### ***V. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ XÂY DỰNG***

1. Sự phù hợp của thiết kế: Phù hợp với chủ trương, nhu cầu sử dụng và nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt, .

2. Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế xây dựng công trình.

Giải pháp kiến trúc, kết cấu, hệ thống kỹ thuật trong công trình được thiết kế phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật và các tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng, phù hợp với công năng sử dụng.

3. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình: Thiết kế công trình tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật.

4. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận: Giải pháp thiết kế cơ bản phù hợp với công năng sử dụng các công trình. Khi thi công công trình cần có biện pháp bảo vệ để tránh ảnh hưởng đến các công trình lân cận. 5. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ: Không yêu cầu.

6. Sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế; tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình; xác định giá trị dự toán công trình: Khối lượng dự toán cơ bản phù hợp với khối lượng trong hồ sơ thiết kế, việc áp dụng các định mức đơn giá phù hợp với các quy định hiện hành.

7. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện lập báo cáo KTKT; Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện thiết kế xây dựng: Công ty TNHH Đại học Kỹ thuật Công nghiệp là đơn vị có đủ tư cách pháp nhân tham gia khảo sát; thiết kế công trình; các chủ trì khảo sát, thiết kế có chứng chỉ phù hợp với cấp và quy mô công trình.

8. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có). Đơn vị thiết kế đã xem xét và nhất trí chỉnh sửa bản vẽ trong quá trình thẩm tra.

## **VI. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ TOÁN**

1) Nguyên tắc thẩm tra:

a) Về sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế: Khối lượng dự toán phù hợp với khối lượng thiết kế bản vẽ thi công;

b) Về tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các khoản mục chi phí khác trong dự toán công trình: Cơ bản phù hợp với các quy định hiện hành;

c) Về giá trị dự toán công trình: Không vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt.

2) Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra:

Dựa vào các căn cứ và nguyên tắc nêu trên thì giá trị dự toán sau thẩm tra như sau:

*ĐVT: Đồng*

| <b>TT</b> | <b>Tên công việc</b>  | <b>Giá trị<br/>trình thẩm tra</b> | <b>Giá trị<br/>thẩm tra</b> | <b>Chênh lệch</b>     |
|-----------|-----------------------|-----------------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| 1         | Chi phí XD            | 9.624.291.509                     | 8.197.001.322               | -1.427.290.187        |
| 2         | Chi phí thiết bị      | 97.200.000                        | 69.120.000                  | -28.080.000           |
| 3         | Chi phí quản lý dự án | 345.793.453                       | 290.853.590                 | -54.939.863           |
| 4         | Chi phí tư vấn        | 927.723.729                       | 736.433.628                 | -191.290.101          |
| 5         | Chi khác khác         | 353.376.661                       | 181.013.853                 | -172.362.808          |
| 6         | Chi phí dự phòng      | 226.967.707                       | 189.519.535                 | -37.448.172           |
|           | <b>Tổng cộng</b>      | <b>11.575.353.059</b>             | <b>9.663.941.928</b>        | <b>-1.911.411.131</b> |

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

\* Lý do tăng, giảm: Một số khối lượng, đơn giá, định mức chi phí trong dự toán thiết kế chưa phù hợp. Đơn vị thẩm tra đã chỉnh sửa trong dự toán thẩm tra.

3) Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ: Đơn vị thiết kế kiểm tra lại khối lượng và đơn giá số liệu của đơn vị thẩm tra và có ý kiến với chủ đầu tư, để chủ đầu tư xem xét và quyết định.

**VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:**

- Hồ sơ báo cáo kinh tế- kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Di chuyển đường điện 35kV và 0,4kV phục vụ GPMB Dự án: Khu Trung tâm thị trấn Quân Chu do Công ty TNHH Đại học Kỹ thuật Công nghiệp lập. Đây là các đơn vị có tư cách pháp nhân hợp lệ, có chức năng hành nghề tư vấn thiết kế các công trình công nghiệp .

- Chủ trì thiết kế các bộ môn có đầy đủ chứng chỉ hành nghề thiết kế .

- Hồ sơ thiết kế BVTC về cơ bản phù hợp với các tiêu chuẩn, quy phạm hiện hành, đủ điều kiện đưa vào thi công.

- Hồ sơ dự toán: Cơ bản đã áp dụng đúng, đủ các chế độ chính sách của Nhà nước.

- Trên đây là toàn bộ Báo cáo Kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế- kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Di chuyển đường điện 35kV và 0,4kV phục vụ GPMB Dự án: Khu Trung tâm thị trấn Quân Chu do Công ty TNHH Đại học Kỹ thuật Công nghiệp. Đề nghị Chi nhánh Trung tâm Phát triển Quỹ Đất khu vực II xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như Kính gửi;
- Đơn vị tư vấn thiết kế;
- Lưu VP.

**CÔNG TY TNHH KT XANH**



**GIÁM ĐỐC**

**Trần Văn Vinh**

BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

(Căn cứ theo Thông tư 38/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 06 năm 2026)

Công trình: Di chuyển đường điện 35kV và 0,4kV phục vụ GPMB Dự án: Khu Trung tâm thị trấn Quân Chu

Thái Nguyên, ngày .... tháng 9 năm 2026

|                  |                           |
|------------------|---------------------------|
| Loại công trình: | Công trình công nghiệp    |
| Loại thiết kế:   | Thiết kế 1 bước           |
| Cấp công trình:  | Cấp IV                    |
| Cách thẩm định:  | Thuê ngoài cùng thẩm định |

| STT   | NỘI DUNG CHI PHÍ                                                          | Tỷ lệ % | Hệ số | CÁCH TÍNH                               | GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ | THUẾ GTGT   | GIÁ TRỊ SAU THUẾ | KÝ HIỆU |
|-------|---------------------------------------------------------------------------|---------|-------|-----------------------------------------|--------------------|-------------|------------------|---------|
| 1     | Chi phí xây dựng                                                          |         |       |                                         | 7.589.816.039      | 607.185.283 | 8.197.001.322    | Gxd     |
| 1.1   | Chi phí xây dựng công trình chính                                         |         |       |                                         | 7.507.236.438      | 600.578.915 | 8.107.815.353    |         |
| 1.1.1 | Xây dựng đường dây trung thế                                              |         | 1     | Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục     | 6.779.248.371      | 542.339.870 | 7.321.588.241    |         |
| 1.1.2 | Xây dựng đường dây hạ thế và cáp quang                                    |         | 1     | Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục     | 727.988.067        | 58.239.045  | 786.227.112      |         |
| 1.2   | Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công hạng mục xây dựng              |         |       | Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục     | 82.579.601         | 6.606.368   | 89.185.969       | Gxdlt   |
| 2     | Chi phí thiết bị                                                          |         |       | Theo bảng tổng hợp chi phí TB           | 64.000.000         | 5.120.000   | 69.120.000       | Gtb     |
| 3     | Chi phí quản lý dự án                                                     | 3,557%  |       | (Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ            | 269.308.880        | 21.544.710  | 290.853.590      | Gqlda   |
| 4     | Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng                                            |         |       |                                         | 681.882.989        | 54.550.639  | 736.433.628      | Gtv     |
| 4.1   | Chi phí khảo sát địa hình                                                 |         |       |                                         | 9.915.705          | 793.256     | 10.708.961       |         |
| 4.2   | Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Bảng 2.4 Thông tư 38/2026/TT-BXD) | 4,264%  |       | (Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ            | 322.837.522        | 25.827.002  | 348.664.524      |         |
| 4.3   | Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 38/2026/TT-BXD)     | 0,572%  | 1,2   | Gxd trước thuế x tỷ lệ                  | 51.529.671         | 4.122.374   | 55.652.045       |         |
| 4.4   | Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.24 Thông tư 38/2026/TT-BXD)    | 3,508%  |       | Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ  | 266.250.747        | 21.300.060  | 287.550.807      |         |
| 4.5   | Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị (Bảng 2.25 Thông tư 38/2026/TT-BXD)     | 1,147%  |       | Dự toán gói thầu TB trước thuế x tỷ lệ  | 734.080            | 58.726      | 792.806          |         |
| 4.6   | Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 214/2025/NĐ-CP)      | 0,2%    |       | Dự toán gói thầu XD+TB sau thuế x tỷ lệ | 15.307.632         | 1.224.611   | 16.532.243       |         |

CÔNG TY TNHH KT XANH  
THIẾT KẾ & THẨM TRA  
Theo Văn bản thẩm tra số: .....  
Ngày: ..... tháng ..... năm .....  
Cán bộ chủ trì: .....  
Thẩm tra kỹ thuật: .....

|          |                                                                            |        |     |                                                                             |                      |                    |                      |              |
|----------|----------------------------------------------------------------------------|--------|-----|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|--------------|
| 4.7      | Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 214/2025/NĐ-CP) | 0,1%   |     | Dự toán gói thầu XD+TB sau thuế x tỷ lệ                                     | 7.653.816            | 612.305            | 8.266.121            |              |
| 4.8      | Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 214/2025/NĐ-CP)     | 0,1%   |     | Dự toán gói thầu XD+TB sau thuế x tỷ lệ                                     | 7.653.816            | 612.305            | 8.266.121            |              |
| <b>5</b> | <b>Chi phí khác</b>                                                        |        |     |                                                                             | <b>169.044.632</b>   | <b>11.969.222</b>  | <b>181.013.853</b>   | <b>Gk</b>    |
| 5.1      | Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 193/2026/NĐ-CP)          | 0,402% | 0,5 | Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ | 19.429.355           |                    | 19.429.355           |              |
| 5.2      | Chi phí kiểm toán độc lập (Nghị định 193/2026/NĐ-CP)                       | 0,666% |     | Giá trị cần kiểm toán của dự án; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ                    | 64.381.181           | 5.150.494          | 69.531.675           |              |
| 5.3      | Chi phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 12/2021/TT-BXD)     | 15%    |     | Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật x tỷ lệ                         | 7.729.451            | 618.356            | 8.347.807            |              |
| 5.4      | Chi phí nghiệm thu đóng điện                                               |        |     | Theo 9225/BCT-TCNL                                                          |                      |                    |                      |              |
|          | Nghiệm thu đường dây 22kV                                                  | 0,54%  |     | 0,54%*H15                                                                   | 36.607.941           | 2.928.635          | 39.536.576           |              |
|          | Nghiệm thu đường dây 0,4kV                                                 | 0,54%  | 1,5 | 0,54%*1,5*H16                                                               | 5.896.703            | 471.736            | 6.368.440            |              |
| 5.5      | Chi phí đầu nối hotline                                                    |        |     | Tạm tính                                                                    | 35.000.000           | 2.800.000          | 37.800.000           |              |
| <b>6</b> | <b>Chi phí dự phòng</b>                                                    |        |     |                                                                             | <b>175.481.051</b>   | <b>14.038.484</b>  | <b>189.519.535</b>   | <b>Gdp</b>   |
| 6.1      | Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh                                   | 2%     |     | (Ggpmb+Gxd+Gtb+Gqlđ+a+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ                             | 175.481.051          | 14.038.484         | 189.519.535          |              |
|          | <b>Tổng cộng</b>                                                           |        |     |                                                                             | <b>8.949.533.591</b> | <b>714.408.338</b> | <b>9.663.941.928</b> | <b>Gxdct</b> |
|          | <b>Làm tròn</b>                                                            |        |     |                                                                             |                      |                    | <b>9.663.942.000</b> |              |

Bằng chữ: Chín tỷ sáu trăm sáu mươi ba triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng./.

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Đỗ Hà

Chứng chỉ số THN-00072584 ngày  
01/10/2024



Giám đốc công ty

**CÔNG TY**  
**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN**  
**KT XANH**

Trần Văn Vinh